| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN THANH XUÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **06**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/03/2019
*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: *Bà* **Lưu Thị Hồng Vân**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. *Bà* **Chu Thị Tuyết**

2. *Ông* **Đỗ Quang Linh**

- ***Thư ký phiên tòa***: *Bà* **Hà Phương Ánh Nguyệt**

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội*** *tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương* - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 681/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXX- HNĐG ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu Tr., sinh năm 1987; Trú tại: số 8, ngõ 328/60 Đường Ng., phường Th., quận Thanh Xuân , thành phố Hà Nội (Có mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C., sinh năm 1985; Trú tại: số 8, ngõ 328/60 Đường Ng., phường Th., quận Thanh Xuân , thành phố Hà Nội .

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, chị Nguyễn Thu Tr. có đơn khởi kiện có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu Tr. xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C..

Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Diệu A., sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011. Chị Tr. có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường Th2. cấp (bản chính).

2- Bản sao Giấy khai sinh của con chung;

3- Đơn trình bày nguyện vọng của con

4- Bản sao sổ khẩu gia đình

5- Đơn đề nghị về việc xác nhận tình trạng giam giữ

6- Giấy xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn - chị Nguyễn Thu Tr. trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Mạnh C. có đăng kết hôn tự nguyện ngày 05/4/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường Th2., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Vợ chồng hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C. không lo làm ăn, chơi bời, vợ chồng thường

xuyên cãi cọ, xô xát, vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay, anh C. đang bị tạm giam về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý, nay tình cảm vợ chồng không còn  nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C..

*Về con chung:* Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu A., sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011. Nay ly hôn chị Tr. xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu A.. Chị không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội, Bị đơn - anh Nguyễn Mạnh C. thừa nhận anh và chị Tr. có đăng kết hôn tự nguyện năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân phường Th2., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do gia đình hai bên nội ngoại không đồng ý và ép vợ chồng anh chị ly hôn, vợ chồng anh chị sống ly thân khoảng hơn một năm nay. Nay chị Tr. xin ly hôn anh C. cũng đồng ý.

*Về con chung:* Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu A., sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011. Nay do hoàn cảnh anh đang bị tạm giam nên nhất trí để chị Tr. nuôi con, sau này ra trại anh đề nghị được nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có ý kiến gì.

Anh C. có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do hiện anh đang bị tạm giam trong vụ án hình sự.

*Tại phiên toà hôm nay,*

Chị Tr. vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, đề nghị được ly hôn với anh C. và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn giữa chị Tr. và anh C. thật sự trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của chị Tr. được ly hôn anh C.; Về con chung: anh chị có 01 con chung, xét thấy cháu Nguyễn Diệu A. còn nhỏ, hiện anh C. đang bị tạm giam để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để cho cháu Nguyễn Diệu A. phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của anh C. là để chị Tr. nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật; Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu giải quyết, về công nợ chung : không.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về tố tụng:* Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt là tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

*2. Về nội dung:* Hôn nhân giữa chị Tr. và anh C. trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết chị Tr. xin ly hôn anh C. đồng ý và cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết cả hai anh chị thừa nhận vợ chồng luôn căng thẳng, giữa chị Tr. và anh C. thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn chủ yếu là do cả hai. Tình trạng hôn nhân giữa chị Tr. và anh C. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai vợ

chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thu Tr. được ly hôn anh Nguyễn Mạnh C..

*3. Về con chung*: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu A., sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011. Hiện cháu Nguyễn Diệu A. sống cùng chị Tr..

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, cũng như điều kiện hiện nay của anh chị, để đảm bảo cuộc sống cho cháu Nguyễn Diệu A. được tiếp tục ổn định và chấp nhận sự tự nguyện của anh C. cũng như nguyện vọng của cháu Diệu A.; vì vậy giao cháu Nguyễn Diệu A. cho chị Tr. trực tiếp nuôi dưỡng như hiện nay là phù hợp với lợi ích của con và sự phát triển cũng như ổn định của con, phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Tr. không yêu cầu về cấp dưỡng con chung, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét.

*4. Về tài sản chung và công nợ chung:* Không có.

*5. Về án phí:* Chị Tr. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng chị Tr. đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005617 ngày 25/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

**Xử** :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thu Tr. đối với anh Nguyễn Mạnh C.; Chị Tr. được ly hôn với anh C..

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Diệu A., sinh ngày 26 tháng 11 năm 2011 cho chị Nguyễn Thu Tr. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Mạnh C. cho đến khi chị Tr. có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh C. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu Tr. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng chị Nguyễn Thu Tr. đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005617 ngày 25/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân).

4. Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;*
*- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;*
*- UBND nơi đăng ký kết hôn;*
*- Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lưu Thị Hồng Vân**